

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 13.4.2022

NỘI MA CHẴNG CÒN XÁ GÌ NGOẠI CHƯỞNG
Kinh Uppalavaṇṇā (Uppalavaṇṇāsuttam)
CHƯƠNG V. TƯƠNG ƯNG TỶ KHEO NI (S.i, 131)

Ác ma muốn làm chư tỳ khuru ni kinh động với những đặc điểm thường có ở nữ nhân: sự dính mắc với sắc đẹp, sự yếu đuối, sự đe dọa từ bên ngoài khi một mình nơi vắng vẻ. Với một thánh ni đã thành tựu viên mãn cả hai phương diện tâm giải thoát và tuệ giải thoát thì những điều đó chẳng ảnh hưởng gì. Thánh ni Uppalavaṇṇā nói rõ những điều Ma nói thuộc ngoại giới trong lúc tận cùng nội tại đã khéo tu, khéo chứng đắc thì ma chướng bên ngoài vô nghĩa.



Kinh Văn

Sāvattṭhinidānaṃ.

Tại Sāvattṭhi.

**Atha kho uppalavaṇṇā bhikkhunī pubbaṇhasamayam nivāsetvā...pe...
aññatarasmim supupphitasālarukkhamūle aṭṭhāsi.**

Vào buổi sáng tỳ khuru ni Uppalavaṇṇā đắp y.....và đứng dưới gốc cây sālā trở đầu
hoa.

**Atha kho māro pāpimā uppalavaṇṇāya bhikkhuniyā bhayaṃ chambhitattam
lomahaṃsaṃ uppādetukāmo samādhimhā cāvetukāmo yena uppalavaṇṇā
bhikkhunī tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā uppalavaṇṇaṃ bhikkhunim
gāthāya ajjhabhāsi –**

Rồi Ác ma muốn làm tỳ khuru ni Uppalavaṇṇā run sợ, hốt hoảng, kinh khiếp, rời xa
thiền định đã đến gần và nói lên kệ ngôn:

**“Supupphitaggaṃ upagamma bhikkhuni,
Ekā tuvaṃ tiṭṭhasi sālāmūle;**

**Na catthi te dutiyā vaṇṇadhātu,
Bāle na tvam bhāyasi dhuttakāna’nti.**

Sao Sư cô một mình
Dưới cội sālā nở
Vói mỹ mạo vô song
Chẳng sợ sao nàng khờ?

**Atha kho uppalavaṇṇāya bhikkhuniyā etadahosi – “ko nu khvāyaṃ manusso
vā amanusso vā gāthaṃ bhāsati”ti? Atha kho uppalavaṇṇāya bhikkhuniyā
etadahosi – “māro kho ayaṃ pāpimā mama bhayaṃ chambhitattaṃ
lomahaṃsaṃ uppādetukāmo samādhimhā cāvetukāmo gāthaṃ bhāsati”ti.**

Tỷ khuru ni Uppalavaṇṇā tự nghĩ: "Ai đã nói lên kệ ngôn này? Người hay phi nhân?"
Tỷ khuru ni Uppalavaṇṇā xét thấy: "Chính Ác ma muốn khiến ta run sợ, hốt hoảng,
kinh khiếp để từ bỏ thiền định đã nói lên lời ấy".

**Atha kho uppalavaṇṇā bhikkhunī “māro ayaṃ pāpimā” iti veditvā māraṃ
pāpimantaṃ gāthāhi paccabhāsi –**

Tỷ khuru ni Uppalavaṇṇā biết được: "Đấy là Ác ma", liền nói kệ ngôn:

**“Sataṃ sahaṣṣānipi dhuttakānaṃ, Idhāgatā tādisakā bhaveyyuṃ;
Lomaṃ na iñjāmi na santasāmi, Na māra bhāyāmi tamekikāpi.**

**“Esā antaradhāyāmi, kucchim vā pavisāmi te;
Pakhumantarikāyampi, tiṭṭhantiṃ maṃ na dakkhasi.**

**“Cittasmiṃ vasībhūtāmi, iddhipādā subhāvitā;
Sabbabandhanamuttāmi, na taṃ bhāyāmi āvuso”ti.**

Trăm ngàn kẻ căm dỗ
Có tới đây như người
Không khiến ta kinh động
Xá gì một mình người!

Ta có thể tàng hình
Đi tới lui trong bụng
Hay đứng giữa hàng mi
Người cũng không thấy được

Với tâm đã điều phục
Khéo tu pháp thần túc
Ta thoát mọi buộc ràng
Không sợ người đâu Bạn!

**Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ vijayā bhikkhunī”ti dukkhī dummano
tatthevantaradhāyīti.**

Ác ma biết được: "Tỷ khuru ni Uppalavaṇṇā đã biết ta" phiền muộn và thất vọng biến mất ngay chỗ ấy.



“Supupphitaggaṃ upagamma bhikkhuni Ekā tuvaṃ tiṭṭhasi sālamūle
= Hỡi tỷ khuru ni đang đứng một mình dưới cội cây sālā nở đầy hoa.

Na catthi te dutiyā vaṇṇadhātu
= Nhan sắc nàng không có người thứ hai (sánh bằng)

Bāle na tvaṃ bhāyasi dhuttakāna”nti
= Nàng đại kờ kia chẳng sợ những kẻ sàm sỡ sao?

“Sataṃ sahaṣṣānipi dhuttakānaṃ = Trăm ngàn kẻ trêu ghẹo

Idhāgatā tādisakā bhaveyyuṃ = Có đến đây như thế

Lomaṃ na iñjāmi na santasāmi = Không động được cọng lông hay gây hoảng sợ

Na māra bhāyāmi tamekikāpi = Nói gì một mình Ác ma có thể khiến ta sợ hãi.

“Esā antaradhāyāmi = Ta có thể tàng hình

kucchiṃ vā pavisāmi te = Hay đi vào bụng người

Pakhumantarikāyampi = Đứng giữa hàng mi người

tiṭṭhantiṃ maṃ na dakkhasi = Người cũng không thấy ta

“Cittasmiṃ vasībhūtāmi = Ta đã làm chủ tâm ý

iddhipādā subhāvitā = Khéo tu pháp thần túc

Sabbabandhanamuttāmi = Thoát khỏi tất cả trói buộc

na taṃ bhāyāmi āvuso”ti = Ta không sợ người đâu hỡi Bạn!



Thích nghĩa

Thánh ni Uppalavannā được Đức Phật xác chứng là đệ nhất thân thông trong hàng ni chúng đệ tử Phật.

Cây sālā là một loại cây thuộc họ dầu. Đức Thế Tôn đản sanh và viên tịch dưới cội sālā. Có nhiều ngộ nhận về cây này. Trước hết, đây không phải là cây đầu lân hay canonball tree thường được hiểu.



Cây sālā chính thống



Ở Việt Nam còn gọi cây đầu lân là cây tha la, một cách đọc trại của sālā. Nhiều bản dịch cũng ngộ nhận cây sālā với cây tāla (ta la). Cây tāla là một loại cây cọ (palm tree) thường chỉ cho cây thốt nốt (palmyra palm) với đặc tính là nếu chặt ngang thân thì sẽ không bao giờ mọc lại được. Cây này hoàn toàn khác với cây sālā.



Bốn thân túc - iddhipāda - là bốn pháp có hiệu năng thành tựu thiên định và thân thông gồm dục thân túc, cần thân túc, tâm thân túc, tầm thân túc. (Đôi khi cũng dịch là bốn pháp như ý túc)

*Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình
-ooOoo-*

5. Uppalavaṇṇāsuttam [Mūla]

166. Sāvattḥinidānaṃ. Atha kho uppalavaṇṇā bhikkhunī pubbaṇhasamayam nivāsetvā...pe... aññatarasmiṃ supupphitasālarukkhamūle aṭṭhāsi. Atha kho māro pāpimā uppalavaṇṇāya bhikkhuniyā bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃsaṃ uppādetukāmo samādhimhā cāvetukāmo yena uppalavaṇṇā bhikkhunī tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā uppalavaṇṇaṃ bhikkhuniṃ gāthāya ajjhabhāsi –

“Supupphitaggaṃ upagamma bhikkhuni,
Ekā tuvaṃ tiṭṭhasi sālamūle;
Na catthi te dutiyā vaṇṇadhātu,
Bāle na tvam bhāyasi dhuttakāna” nti. .

\ Atha kho uppalavaṇṇāya bhikkhuniyā etadahosi – “ko nu khvāyaṃ manusso vā amanusso vā gāthaṃ bhāsati”’ti? Atha kho uppalavaṇṇāya bhikkhuniyā etadahosi – “māro kho ayaṃ pāpimā mama bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃsaṃ uppādetukāmo samādhimhā cāvetukāmo gāthaṃ bhāsati”’ti. Atha kho uppalavaṇṇā bhikkhunī “māro ayaṃ pāpimā”’ti itiditvā māraṃ pāpimantaṃ gāthāhi paccabhāsi –

“Sataṃ sahaṣṣānīpi dhuttakānaṃ, Idhāgatā tādisakā bhaveyyuṃ;
Lomaṃ na iñjāmi na santasāmi, Na māra bhāyāmi tamekikāpi.

“Esā antaradhāyāmi, kucchiṃ vā pavisāmi te;
Pakhumantarikāyampi, tiṭṭhantiṃ maṃ na dakkhasi.

“Cittasmiṃ vasībhūtāmi, iddhipādā subhāvitā;
Sabbabandhanamuttāmi, na taṃ bhāyāmi āvuso”’ti.

Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ uppalavaṇṇā bhikkhunī”’ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.

5. Uppalavaṇṇāsuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

166. Pañcame **supupphitaganti** aggato paṭṭhāya suṭṭhu pupphitaṃ sālarukkhaṃ. **Na catthi te dutiyā vaṇṇadhātūti** tava vaṇṇadhātusadisā dutiyā vaṇṇadhātu natthi, tayā sadisā aññā bhikkhunī natthīti vadati. **Idhāgatā tādisikā bhaveyyunti** yathā tvaṃ idhāgatā kiñci santhavaṃ vā sinehaṃ vā na labhasi, evamevaṃ tepi tayāva sadisā bhaveyyuṃ. **Pakhumantarikāyanti** dvinnaṃ akkhīnaṃ majjhe nāsavaṃsepi tiṭṭhantiṃ maṃ na passasi. **Vasībhūtāmi** vasībhūtā asmi. Pañcamaṃ.